

**Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu –
Nước giải khát Hà Nội**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thông tin về Tổng Công ty

Quyết định Thành lập số	1863/QĐ-TTG 575/QĐ-TTG	ngày 28 tháng 12 năm 2007 ngày 16 tháng 5 năm 2008
Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	0103025268 0101376672	ngày 16 tháng 6 năm 2008 ngày 30 tháng 7 năm 2010
Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Tuấn Phong Ông Nguyễn Hồng Linh Ông Trần Đình Thanh Bà Nguyễn Thị Nga Ông Tayfun Uner Ông Henrik J Andersen	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên <i>(từ ngày 20 tháng 5 năm 2013)</i> Thành viên <i>(đến ngày 20 tháng 5 năm 2013)</i>
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Hồng Linh Ông Vũ Xuân Dũng Ông Nguyễn Hải Hồ Ông Vương Toàn Ông Trần Đình Thanh Ông Nguyễn Hữu Hồng	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc <i>(từ ngày 1 tháng 5 năm 2013)</i> Phó Tổng Giám đốc <i>(đến ngày 31 tháng 12 năm 2013)</i>
Ban Kiểm soát	Bà Đinh Thị Thanh Hải Ông Trần Văn Chung Ông Trần Thuận An Ông Bùi Hữu Quang	Trưởng ban <i>(từ ngày 20 tháng 5 năm 2013)</i> Trưởng ban <i>(đến ngày 20 tháng 5 năm 2013)</i> Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký	183 Hoàng Hoa Thám Quận Ba Đình Hà Nội Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 56 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt và đại diện Hội đồng Quản trị



Nguyễn Tuấn Phong
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2014



Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Linh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội (“Tổng Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 6 đến 56.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo Nghị định 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về việc chuyển đổi Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần (“Nghị định 109”), tại thời điểm cổ phần hóa, các doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần cần ghi nhận lợi thế kinh doanh phát sinh khi định giá doanh nghiệp cổ phần hóa. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty chưa ghi nhận phần lợi thế từ vị trí địa lý của địa điểm số 183 Hoàng Hoa Thám, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội như một phần của lợi thế kinh doanh theo quy định của Nghị định 109. Trong năm 2011 và 2012, Tổng Công ty đã gửi Công văn số 421/Habeco-TV ngày 27 tháng 9 năm 2011 và Công văn số 90/Habeco-HĐQT ngày 8 tháng 3 năm 2012 về kiến nghị xử lý vướng mắc trong quá trình cổ phần hóa liên quan đến việc xác định bổ sung giá trị lợi thế vị trí địa lý tại địa điểm số 183 Hoàng Hoa Thám, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội để đề xuất việc không bổ sung giá trị lợi thế vị trí địa lý phát sinh khi định giá doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định của Nghị định 109. Đến thời điểm lập báo cáo này, Tổng Công ty vẫn chưa nhận được công văn chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nếu kiến nghị của Tổng Công ty không được chấp thuận thì Tổng Công ty có thể phải nộp thêm phần giá trị lợi thế vị trí địa lý cho Nhà nước tính theo quy định của Nghị định 109. Do kết luận cuối cùng về việc Tổng Công ty có phải tính toán và nộp thêm phần lợi thế kinh doanh phát sinh khi định giá doanh nghiệp cổ phần hóa cho Nhà nước theo quy định của Nghị định 109 còn đang chờ ý kiến của Văn phòng Chính phủ và do thiếu cơ sở pháp lý cho việc xác định quyền sử dụng của Tổng Công ty đối với địa điểm số 183 Hoàng Hoa Thám, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, bao gồm thời gian Tổng Công ty được thuê và giá phí liên quan, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thực hiện các điều chỉnh cần thiết đối với các số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến các khoản mục chi phí trả trước dài hạn, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm kết thúc cùng ngày.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất này trong báo cáo kiểm toán ngày 10 tháng 4 năm 2013 liên quan đến ảnh hưởng của các điều chỉnh cần thiết có thể có liên quan đến:

- việc xác định bổ sung giá trị lợi thế vị trí địa lý của địa điểm số 183 Hoàng Hoa Thám, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội liên quan đến quá trình cổ phần hóa của Tổng Công ty; và
- điều chỉnh hồi tố tăng thêm số thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính 2011 theo biên bản thanh tra thuế của Tổng cục thuế ngày 27 tháng 8 năm 2012. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty chưa thực hiện các điều chỉnh này do chưa thống nhất ý kiến với các nội dung tương ứng của biên bản thanh tra thuế.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Kiểm toán số: 13-02-028-b



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2014



Trần Hằng Thu

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0877-2013-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.077.322.952.647	2.755.122.334.299
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.703.053.804.589	1.344.313.803.422
Tiền	111		440.068.772.179	1.013.698.425.745
Các khoản tương đương tiền	112		1.262.985.032.410	330.615.377.677
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	13	184.616.486.368	41.646.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		184.616.486.368	41.646.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	333.621.576.431	575.438.961.599
Phải thu khách hàng	131		110.068.104.351	351.038.333.757
Trả trước cho người bán	132		105.731.937.357	185.078.408.214
Các khoản phải thu khác	135	6	120.706.084.338	41.100.188.332
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(2.884.549.615)	(1.777.968.704)
Hàng tồn kho	140	7	814.546.897.907	735.725.855.447
Hàng tồn kho	141		815.206.004.657	735.725.855.447
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(659.106.750)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		41.484.187.352	57.997.713.831
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		23.732.157.577	11.823.031.357
Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.569.950.159	8.119.186.985
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	154	8	2.929.108.075	27.888.824.688
Tài sản ngắn hạn khác	158		4.252.971.541	10.166.670.801

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 269)	200		4.990.260.738.258	5.106.968.037.251
Các khoản phải thu dài hạn	210		172.400.000	53.250.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	53.250.000
Phải thu dài hạn khác	218		172.400.000	-
Tài sản cố định	220		4.234.690.654.742	4.401.126.478.348
Tài sản cố định hữu hình	221	9	4.026.521.742.450	4.045.463.340.884
Nguyên giá	222		7.467.841.258.306	6.985.652.349.875
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.441.319.515.856)	(2.940.189.008.991)
Tài sản cố định vô hình	227	10	23.208.651.937	59.333.698.193
Nguyên giá	228		50.830.287.571	85.357.910.705
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.621.635.634)	(26.024.212.512)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	184.960.260.355	296.329.439.271
Bất động sản đầu tư	240	12	19.833.041.382	20.316.774.102
Nguyên giá	241		23.259.481.464	23.259.481.464
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(3.426.440.082)	(2.942.707.362)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	414.347.500.681	427.156.728.576
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	252		329.987.642.186	344.445.068.496
Đầu tư dài hạn khác	258		87.016.900.383	87.016.900.383
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(2.657.041.888)	(4.305.240.303)
Tài sản dài hạn khác	260		302.418.057.942	233.249.361.543
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	287.992.593.642	224.279.805.430
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	14.425.464.300	8.969.556.113
Lợi thế thương mại	269	16	18.799.083.511	25.065.444.682
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.067.583.690.905	7.862.090.371.550

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.651.231.948.685	2.829.288.010.102
Nợ ngắn hạn	310		1.656.888.271.819	1.843.397.088.895
Vay ngắn hạn	311	17	448.653.464.429	428.206.854.378
Phải trả người bán	312	18	350.575.922.731	461.389.360.317
Người mua trả tiền trước	313		17.691.819.031	18.208.808.246
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	527.351.556.494	526.618.712.507
Phải trả người lao động	315		93.890.583.332	102.366.544.663
Chi phí phải trả	316	20	40.978.766.495	148.906.219.315
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	112.430.200.116	91.033.749.463
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	22	65.315.959.191	66.666.840.006
Vay và nợ dài hạn	330		994.343.676.866	985.890.921.207
Phải trả dài hạn người bán	331		-	7.265.121.928
Phải trả dài hạn khác	333	23	263.178.841.310	237.931.409.840
Vay dài hạn	334	24	726.676.064.766	736.133.255.013
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	72.363.636
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		4.488.770.790	4.488.770.790
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		4.539.085.230.210	4.178.217.650.233
Vốn chủ sở hữu	410	25	4.536.306.313.082	4.175.457.650.233
Vốn cổ phần	411	26	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
Vốn khác	413		16.218.000	16.218.000
Quỹ đầu tư và phát triển	417	27	1.170.403.657.670	790.049.694.400
Quỹ dự phòng tài chính	418	27	288.232.839.265	212.480.980.537
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	27	1.810.400.290	439.600.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		757.843.197.857	854.471.157.296
Nguồn kinh phí sự nghiệp và các quỹ khác	430		2.778.917.128	2.760.000.000
Nguồn kinh phí sự nghiệp	432		390.000.000	390.000.000
Nguồn kinh phí sự nghiệp đầu tư vào tài sản cố định	433		2.388.917.128	2.370.000.000
LỢI ÍCH CỐ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	29	877.266.512.010	854.584.711.215
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		8.067.583.690.905	7.862.090.371.550

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ		
▪ USD	476.490	450.704
▪ EUR	22.143	29.249

Ngày 25 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Nguyễn Như Khuê
Kế toán

Người kiểm tra:



Nguyễn Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Linh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu	01	30	9.033.688.396.537	8.919.305.204.135
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	2.587.119.317.859	2.453.182.397.473
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	30	6.446.569.078.678	6.466.122.806.662
Giá vốn hàng bán	11	31	3.895.037.206.902	4.021.929.577.929
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		2.551.531.871.776	2.444.193.228.733
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	86.708.607.327	57.020.814.440
Chi phí tài chính	22	33	100.056.027.276	121.028.411.141
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		83.489.806.557	93.864.019.148
Chi phí bán hàng	24		913.608.245.538	842.631.750.547
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		401.027.298.422	350.392.746.092
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		1.223.548.907.867	1.187.161.135.393
Thu nhập khác	31	34	59.604.349.998	190.300.246.740
Chi phí khác	32	35	34.242.496.010	18.543.649.277
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		25.361.853.988	171.756.597.463
Lợi nhuận/(lỗ) được chia từ công ty liên kết	45		7.621.777.283	(20.822.378.285)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		1.256.532.539.138	1.338.095.354.571
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	431.182.955.349	367.425.531.023
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	36	(5.455.908.187)	(10.763.011.679)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		830.805.491.976	981.432.835.227
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61	29	76.199.270.546	152.138.262.181
Chủ sở hữu của Công ty	62		754.606.221.430	829.294.573.046
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	3.255	3.578

Ngày 25 tháng 3 năm 2014

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:







Nguyễn Như Khuê
Kế toán

Nguyễn Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Linh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	1.256.532.539.138	1.338.095.354.571
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	534.565.406.995	580.907.484.324
Các khoản dự phòng	03	117.489.246	(402.385.843)
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	16.288.459.335	(1.708.575.888)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(89.506.501.049)	(68.806.559.120)
Chi phí lãi vay	06	83.489.806.557	93.864.019.148
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.801.487.200.222	1.941.949.337.192
Biến động các khoản phải thu	09	385.613.074.513	14.104.380.152
Biến động hàng tồn kho	10	(79.161.826.410)	112.878.072.656
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(149.330.611.372)	(277.410.822.533)
Biến động chi phí trả trước	12	27.284.842.529	80.715.762.409
		1.985.892.679.482	1.872.236.729.876
Tiền lãi vay đã trả	13	(139.966.686.521)	(96.215.199.839)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(480.334.950.594)	(270.229.285.698)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	23.657.285.166	1.175.809.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(58.170.955.933)	(37.471.303.018)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.331.077.371.600	1.469.496.750.321

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(429.909.187.836)	(488.987.500.515)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	6.741.128.453	7.351.512.635
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(157.616.486.368)	(123.000.000.000)
Tiền thu hồi từ cho vay và việc bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	21.007.486.368	125.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(4.048.290.738)	(51.682.642.761)
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	96.684.513.320	48.869.413.591
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(467.140.836.801)	(482.449.217.050)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông thiểu số	31	-	70.000.000.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	1.805.375.678.398	626.856.369.656
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.811.017.131.124)	(581.438.899.480)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông của Tổng Công ty	36	(447.700.000.000)	(347.700.000.000)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông thiểu số	36	(52.197.494.101)	(23.949.283.218)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(505.538.946.827)	(256.231.813.042)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	2013 VND	2012 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	358.397.587.972	730.815.720.229
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.344.313.803.422	613.491.811.934
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	342.413.195	6.271.259
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	1.703.053.804.589	1.344.313.803.422

Ngày 25 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Nguyễn Như Khuê
Kế toán

Người kiểm tra:



Nguyễn Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Linh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 1863/QĐ-TTG ngày 28 tháng 12 năm 2007 và quyết định số 575/QĐ-TTG ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án và chuyển Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội thành Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Công ty và các công ty con và các lợi ích của Công ty và các công ty con tại các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất và phân phối các loại bia, rượu, cồn và nước giải khát.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các công ty con và các công ty liên doanh, liên kết sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu
Các công ty con				
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng	65,01%	65,01%	65,01%	65,01%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nam Định	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Bia Thanh Hóa	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Bình	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	68,95%	68,95%	68,95%	68,95%
Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội (“Halico”)	54,29%	54,29%	54,29%	54,29%
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	52,64%	52,64%	52,64%	52,64%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	96,10%	96,10%	96,10%	96,10%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nghệ An	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị	98,56%	98,56%	71,00%	71,00%
Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng	66,69%	66,69%	66,69%	66,69%
Công ty Cổ phần Bao bì Habeco	60,69%	60,69%	60,69%	60,69%
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Thanh Hóa (xem Thuyết minh 4)	55,00%	55,00%	(*)	(*)

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	31/12/2013		31/12/2012	
	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu
Các công ty liên doanh				
Công ty TNHH Thủy tinh Sanmiguel Yamamura Hải Phòng	50,00%	27,21%	50,00%	27,21%
Các công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Kim Bài	28,00%	28,00%	28,00%	28,00%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hồng Hà	32,69%	32,69%	32,69%	32,69%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Vũng Tàu (xem Thuyết minh 42)	45,00%	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Vận tải Habeco	28,00%	28,00%	28,00%	28,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Habeco	24,00%	24,00%	24,00%	24,00%
Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 (**)	35,00%	25,00%	35,00%	25,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Thanh Hóa (xem Thuyết minh 4)	(*)	(*)	37,75%	37,75%

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Thanh Hóa là công ty liên kết của Công ty Cổ phần Bia Thanh Hóa, một công ty con của Tổng Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Thanh Hóa trở thành công ty con của Tổng Công ty do Công ty Cổ phần Bia Thanh Hóa đã hoàn thành việc mua 100% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Thanh Hóa.

(**) Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 là công ty liên kết của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội, một công ty con của Tổng Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty và các công ty con có 3.970 nhân viên (31/12/2012: 3.991 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(iv) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 15 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ tài sản khác	3 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong Giấy phép Đầu tư và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 48 năm.

(ii) Nhân hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của nhãn hiệu hàng hóa bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền đăng ký nhãn hiệu hàng hóa. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(iii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 năm tới 5 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 577 tháng

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa của Tổng Công ty được xác định và hạch toán theo Nghị định 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần và Thông tư số 146/2007/TT-BTC hướng dẫn thực hiện 109/2007/NĐ-CP. Theo đó, giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp được tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa là giá trị cao hơn khi so sánh kết quả được xác định theo phương pháp dựa trên cơ sở tỷ suất lợi nhuận và lãi suất trái phiếu Chính phủ và phương pháp dựa trên cơ sở lợi thế về vị trí địa lý và giá trị thương hiệu của doanh nghiệp cổ phần hóa. Giá trị lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty được xác định theo phương pháp tỷ suất lợi nhuận và lãi suất trái phiếu Chính phủ. Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong vòng 10 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Chai kết chờ phân bổ

Chai kết chờ phân bổ được bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh khác liên quan. Chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong vòng 2 năm kể từ ngày đưa vào sử dụng.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 15 đến 24 tháng.

(iv) Chi phí đất trả trước

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2013, quyền sử dụng đất thuê được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn thuê đất. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2013, Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư 45, trong đó quy định quyền sử dụng đất đối với đất thuê sau ngày 1 tháng 7 năm 2004 (ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003) không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và do đó được phân loại lại là chi phí đất trả trước dài hạn. Chi phí đất trả trước dài hạn được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 3 năm.

(v) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 12 đến 36 tháng.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại nằm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổng Công ty và các công ty con phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty và các công ty con xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổng Công ty và các công ty con xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tổng Công ty và các công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tổng Công ty và các công ty con có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổng Công ty và các công ty con xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tổng Công ty và các công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tổng Công ty và các công ty con có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty và các công ty con xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được thanh toán cổ tức được thiết lập.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh, là sản xuất và phân phối các sản phẩm bia, rượu, cồn và nước giải khát và một khu vực địa lý, là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

(v) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty liên kết, liên doanh và các bên khác theo quy định của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

4. Hợp nhất kinh doanh

Ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty Cổ phần Bia Thanh Hóa, một công ty con của Tổng Công ty, đã hoàn thành việc mua lại 100% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Thanh Hóa, trước đây là công ty liên kết của Công ty Cổ phần Bia Thanh Hóa.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản hợp nhất và nợ phải trả hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.633.709.262
Các khoản đầu tư ngắn hạn	6.361.486.368
Phải thu ngắn hạn	20.978.527.834
Hàng tồn kho	318.322.800
Tài sản ngắn hạn khác	459.772.237
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	12.678.670.874
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 10)	26.250.000
Tài sản dài hạn khác	633.562.949
Nợ phải trả ngắn hạn	(24.883.180.793)
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 22)	(1.015.863.727)
Nợ dài hạn	(166.360.000)
	<hr/>
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	26.024.897.804
	<hr/>
Tài sản thuần mua về	16.981.245.817
Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị thuần của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được	(2.299.245.817)
	<hr/>
Khoản thanh toán cho việc mua lại	14.682.000.000
	<hr/>
Khoản tiền thu được	(10.633.709.262)
	<hr/>
Khoản tiền tiền thanh toán thuần	4.048.290.738
	<hr/>

Khoản chênh lệch giữa giá trị thuần của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được cao hơn giá phí hợp nhất kinh doanh là 2.299 triệu VND được hạch toán trong doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	7.222.320.098	6.528.634.534
Tiền gửi ngân hàng	432.846.452.081	1.007.169.791.211
Các khoản tương đương tiền	1.262.985.032.410	330.615.377.677
	1.703.053.804.589	1.344.313.803.422

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các công ty liên quan sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải thu từ các công ty liên quan khác		
Thương mại	9.996.387.560	4.533.555.950

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có bảo đảm, không tính lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tạm ứng cổ tức cho cổ đông Nhà nước	100.000.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi	865.016.590	1.380.299.815
Phải thu từ đại lý cho tiền bồi thường chai kết bị vỡ	15.190.630.500	20.282.122.596
Phải thu khác	4.650.437.248	19.437.765.921
	120.706.084.338	41.100.188.332

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

7. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng mua đang đi trên đường	51.192.833.144	12.501.671.368
Nguyên vật liệu	368.435.670.466	347.134.971.626
Công cụ và dụng cụ	65.964.422.490	36.291.801.025
Sản phẩm dở dang	114.524.044.280	95.795.902.737
Thành phẩm	145.405.244.335	171.475.526.937
Hàng hóa	69.683.789.942	72.525.981.754
	<hr/>	<hr/>
	815.206.004.657	735.725.855.447
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(659.106.750)	-
	<hr/>	<hr/>
	814.546.897.907	735.725.855.447

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 3.910 triệu VND (31/12/2012: 3.422 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con.

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước có thể được hoàn lại		
▪ Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.948.693.640
▪ Thuế thu nhập cá nhân	-	109.157.413
▪ Thuế tài nguyên	-	71.473.795
▪ Thuế nhà đất	-	107.246.482
▪ Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	1.074.852.688	-
▪ Thuế nhập khẩu	588.470.691	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước:		
▪ Tiền thuê đất (*)	-	25.652.253.358
▪ Các khoản phải thu Nhà nước khác	1.265.784.696	-
	<hr/>	<hr/>
	2.929.108.075	27.888.824.688

(*) Đây là khoản trả trước cho tiền thuê đất năm 2011 và 2012 của Nhà máy Mê Linh tại Vĩnh Phúc và trụ sở Tổng Công ty tại 183 Hoàng Hoa Thám, Quận Ba Đình, Hà Nội. Tổng Công ty đã thu hồi được số tiền này thông qua việc đối trừ với tiền thuê đất phải trả trong năm 2013.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.309.449.645.192	5.471.577.832.027	115.683.144.613	82.730.463.177	6.211.264.866	6.985.652.349.875
Tăng trong năm	6.407.963.142	24.612.591.741	10.686.557.945	4.778.223.942	229.808.999	46.715.145.769
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	176.427.574.262	310.642.303.923	1.276.701.727	242.625.000	-	488.589.204.912
Tăng do mua công ty con (Thuyết minh 4)	9.578.644.111	-	11.565.061.345	72.903.269	-	21.216.608.725
Thanh lý	(2.407.434.792)	(13.405.165.293)	(793.709.114)	(900.859.180)	-	(17.507.168.379)
Phân loại lại (*)	(518.132.170)	(3.812.479.660)	(223.114.725)	(9.383.393.425)	(726.614.616)	(14.663.734.596)
Phân loại lại (**)	(42.161.148.000)	-	-	-	-	(42.161.148.000)
Số dư cuối năm	1.456.777.111.745	5.789.615.082.738	138.194.641.791	77.539.962.783	5.714.459.249	7.467.841.258.306
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	459.814.776.302	2.360.481.384.916	61.347.248.951	54.866.818.461	3.678.780.361	2.940.189.008.991
Khấu hao trong năm	97.664.689.729	402.475.933.909	13.374.671.511	7.324.598.376	1.249.221.497	522.089.115.022
Tăng do mua công ty con (Thuyết minh 4)	446.464.757	-	8.018.569.825	72.903.269	-	8.537.937.851
Thanh lý	(1.358.744.605)	(13.375.848.885)	(704.499.698)	(894.325.371)	-	(16.333.418.559)
Phân loại lại (*)	(263.991.348)	(2.722.734.350)	(81.722.754)	(7.363.409.835)	(452.288.183)	(10.884.146.470)
Phân loại lại (**)	(2.278.980.979)	-	-	-	-	(2.278.980.979)
Số dư cuối năm	554.024.213.856	2.746.858.735.590	81.954.267.835	54.006.584.900	4.475.713.675	3.441.319.515.856
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	849.634.868.890	3.111.096.447.111	54.335.895.662	27.863.644.716	2.532.484.505	4.045.463.340.884
Số dư cuối năm	902.752.897.889	3.042.756.347.148	56.240.373.956	23.533.377.883	1.238.745.574	4.026.521.742.450

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- (*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn (Thuyết minh 14).
- (**) Trong năm, Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Nghệ An đã phân loại lại khoản chi phí giải phóng mặt bằng cho lô đất 504.304 m² từ tài sản cố định hữu hình sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 14).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 1.207 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 1.052 tỷ VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.237.924 triệu VND (31/12/2012: 967.535 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	54.328.263.820	577.172.253	30.452.474.632	85.357.910.705
Tăng trong năm	-	-	1.418.628.690	1.418.628.690
Tăng do mua công ty con (Thuyết minh 4)	-	-	30.000.000	30.000.000
Phân loại lại (*)	-	(113.962.450)	(240.693.734)	(354.656.184)
Phân loại lại (**)	(35.684.915.640)	-	-	(35.684.915.640)
Số dư cuối năm	18.643.348.180	463.209.803	31.723.729.588	50.830.287.571
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	4.371.587.671	504.173.020	21.148.451.821	26.024.212.512
Khấu hao trong năm	133.055.152	21.839.902	5.571.303.028	5.726.198.082
Tăng do mua công ty con (Thuyết minh 4)	-	-	3.750.000	3.750.000
Phân loại lại (*)	-	(73.762.918)	(257.015.972)	(330.778.890)
Phân loại lại (**)	(3.801.746.070)	-	-	(3.801.746.070)
Số dư cuối năm	702.896.753	452.250.004	26.466.488.877	27.621.635.634
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	49.956.676.149	72.999.233	9.304.022.811	59.333.698.193
Số dư cuối năm	17.940.451.427	10.959.799	5.257.240.711	23.208.651.937

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước ngắn hạn.

(**) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của quyền sử dụng đất đối với đất thuê dài hạn sau ngày 1 tháng 7 năm 2004 (ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003) mà tiền thuê đất đã được trả trước toàn bộ. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 14).

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	296.329.439.271	125.571.007.975
Tăng trong năm	405.026.911.632	188.698.982.793
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(488.589.204.912)	(17.940.551.497)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(26.704.392.000)	-
Chuyển sang chi phí sửa chữa	(1.102.493.636)	-
Số dư cuối năm	184.960.260.355	296.329.439.271

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Dự án Tổng kho, Hồ chứa nước và cảnh quan	7.666.615.644	31.122.880.937
Dự án Đầu tư và di dời khu vực sản xuất nhà máy số 1		
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Hải Phòng	119.329.979.929	56.515.527.205
Dự án Xây dựng nhà máy bia 50 triệu lít/năm		
tại Khu công nghiệp Sông Trà, tỉnh Thái Bình	-	128.773.663.623
Quyền sử dụng đất tại khu đô thị Cựu Viên	-	28.979.090.910
Dự án xây dựng nhà máy Bia Hà Nội - Quảng Trị	25.120.114.155	22.932.155.293
Dự án xây dựng nhà máy Yên Phong - Bắc Ninh	15.309.130.142	11.535.245.560
Các dự án khác	17.534.420.485	16.470.875.743
	184.960.260.355	296.329.439.271

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 119.330 triệu VND (31/12/2012: 258.768 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 23.315 triệu VND (2012: 38.290 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

12. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	23.259.481.464
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.942.707.362
Khấu hao trong năm	483.732.720
Số dư cuối năm	3.426.440.082
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	20.316.774.102
Số dư cuối năm	19.833.041.382

Bất động sản đầu tư là một phần quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội tại Khu công nghiệp Yên Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh đang trong tình trạng chờ tìm đối tác đầu tư để kinh doanh. Phần quyền sử dụng đất còn lại liên quan đến lô đất đã được sử dụng để xây nhà máy và đang được ghi nhận trong tài sản cố định vô hình.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội chưa thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

13. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư dài hạn dạng vốn chủ sở hữu vào:		
▪ các công ty liên kết, liên doanh (*)	329.987.642.186	344.445.068.496
▪ các đơn vị khác	57.100.000.000	57.100.000.000
Cho vay dài hạn	27.000.000.000	27.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	2.916.900.383	2.916.900.383
	417.004.542.569	431.461.968.879
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (**)	(2.657.041.888)	(4.305.240.303)
	414.347.500.681	427.156.728.576

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(*) Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết, liên doanh trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	344.445.068.496	296.584.089.281
Tăng trong năm	-	87.733.600.000
Lãi/(lỗ) từ đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	7.621.777.283	(20.822.378.285)
Cổ tức được chia trong năm	(16.867.203.593)	(19.050.242.500)
Giảm trong năm do chuyển thành công ty con	(5.212.000.000)	-
Số dư cuối năm	329.987.642.186	344.445.068.496

(**) Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	4.305.240.303	4.305.240.303
Hoàn nhập trong năm	(1.648.198.415)	-
Số dư cuối năm	2.657.041.888	4.305.240.303

(b) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi có kỳ hạn	157.616.486.368	-
Cho vay ngắn hạn	27.000.000.000	41.646.000.000
	184.616.486.368	41.646.000.000

Trong năm 2013, các khoản cho vay ngắn hạn được hưởng lãi suất năm từ 7,5% đến 9% (2012: 8% đến 9%), các khoản tiền gửi có kỳ hạn được hưởng lãi suất 7,5%/năm.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND	Chai, kết chờ phân bổ VND	Công cụ, dụng cụ VND	Chi phí thuê đất VND	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	94.863.098.869	56.761.826.923	31.229.511.546	26.632.013.416	8.342.140.870	6.451.213.806	224.279.805.430
Tăng trong năm	-	134.322.893.800	15.532.866.932	32.514.697.257	-	966.256.478	183.336.714.467
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình (*)	-	119.925.118	1.494.244.595	-	-	200.950.319	1.815.120.032
Phân loại lại (**)	-	-	-	58.587.561.570	39.882.167.021	-	98.469.728.591
Phân bổ trong năm	(38.157.224.128)	(127.556.193.587)	(27.512.226.764)	(2.866.377.415)	(1.079.844.191)	(4.257.977.915)	(201.429.844.000)
Thanh lý	-	-	-	-	(18.478.930.878)	-	(18.478.930.878)
Số dư cuối năm	56.705.874.741	63.648.452.254	20.744.396.309	114.867.894.828	28.665.532.822	3.360.442.688	287.992.593.642

(*) Việc phân loại lại từ tài sản cố định phản ánh giá trị còn lại của các tài sản hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định, là tiêu chuẩn có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên, theo quy định tại Điều 3 Thông tư 45. Các tài sản này được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình trong năm (Thuyết minh 9). Giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại nhưng không quá ba năm.

(**) Các khoản phân loại này liên quan đến các nội dung:

- Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Nghệ An đã phân loại lại khoản chi phí giải phóng mặt bằng cho lô đất 504.304 m² trị giá 39,88 tỷ VND từ tài sản cố định hữu hình sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 9);
- Công ty Cổ phần Cồn Rượu Hà Nội đã phân loại lại giá trị còn lại trị giá 31,88 tỷ VND của quyền sử dụng đất đối với đất thuê dài hạn sau ngày 1 tháng 7 năm 2004 (ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003) mà tiền thuê đất đã được trả trước toàn bộ từ tài sản cố định vô hình sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 10); và
- Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Thái Bình đã phân loại lại giá trị của quyền sử dụng đất trị giá 26,7 tỷ VND từ xây dựng cơ bản dở dang sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 11).

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các nội dung sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)	6.614.907.383	586.998.957
Lợi nhuận chưa thực hiện	7.810.556.917	8.382.557.156
	<hr/>	<hr/>
	14.425.464.300	8.969.556.113
	<hr/>	<hr/>

- (*) Trong các chênh lệch tạm thời được khấu trừ là Tài sản thuế thu nhập hoãn lại trị giá 6.359.907.383 được ghi nhận đối với chênh lệch tạm thời phát sinh khi phân bổ Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa (Thuyết minh 14) theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm và chi phí phân bổ tính theo hướng dẫn của Thông tư 138/TT-BTC ngày 5 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước.

16. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư đầu năm và cuối năm	31.331.805.853
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	6.266.361.171
Khấu hao trong năm	6.266.361.171
	<hr/>
Số dư cuối năm	12.532.722.342
	<hr/>
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	25.065.444.682
Số dư cuối năm	18.799.083.511
	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

17. Vay ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	244.332.895.412	310.122.854.378
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 24)	204.320.569.017	118.084.000.000
	<hr/>	<hr/>
	448.653.464.429	428.206.854.378

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Khoản vay cá nhân	VND	9%	-	3.050.000.000
Khoản vay ngân hàng 1	VND	7,5%	23.119.177.987	20.995.355.215
Khoản vay ngân hàng 2	VND	10,5%	8.283.423.976	-
Khoản vay ngân hàng 3	VND	9%	-	10.137.580.251
Khoản vay ngân hàng 4	VND	11,5%	-	10.039.819.287
Khoản vay ngân hàng 5	VND	11%	-	2.871.479.597
Khoản vay ngân hàng 6	VND	9%	-	1.542.486.386
Khoản vay ngân hàng 7	VND	8,5%	1.016.873.425	-
Khoản vay ngân hàng 8	VND	7,1%	5.741.575.092	-
Khoản vay ngân hàng 9	VND	11,5%	-	2.531.345.271
Khoản vay ngân hàng 10	VND	9%	-	2.070.141.659
Khoản vay ngân hàng 11	VND	10%	-	1.263.405.255
Khoản vay ngân hàng 12	VND	9%	-	1.242.545.295
Khoản vay ngân hàng 13	VND	7%	2.868.116.990	-
Khoản vay ngân hàng 14	VND	7% - 8%	17.775.577.120	16.156.268.895
Khoản vay ngân hàng 15	VND	7% - 8%	7.198.385.338	-
Khoản vay ngân hàng 16	VND	6,7%	28.000.000.000	-
Khoản vay ngân hàng 17	VND	6,7%	30.032.714.341	88.879.486.734
Khoản vay ngân hàng 18	VND	6,7% - 7%	76.299.104.945	44.324.198.010
Khoản vay ngân hàng 19	VND	7%	5.000.000.000	10.619.015.577
Khoản vay ngân hàng 20	VND	12%	-	36.325.541.082
Khoản vay ngân hàng 21	VND	10%	-	18.060.061.712
Khoản vay ngân hàng 22	VND	7,5%	25.000.000.000	25.000.000.000
Khoản vay ngân hàng 23	VND	8,8%	13.997.946.198	15.014.124.152
			<hr/>	<hr/>
			244.332.895.412	310.122.854.378

Khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tín chấp và tài sản đảm bảo có giá trị ghi sổ là 44.098 triệu VND (31/12/2012: 19.235 triệu VND) (xem Thuyết minh 7, Thuyết minh 9 và Thuyết minh 11).

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

18. Phải trả người bán

Trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả các công ty liên quan như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả các công ty liên quan	41.438.095.601	9.593.816.057

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo và không chịu lãi.

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	46.408.756.341	63.199.943.495
Thuế tiêu thụ đặc biệt	325.994.861.130	262.633.194.374
Thuế thu nhập doanh nghiệp	113.255.845.191	161.409.619.434
Tiền thuê đất	19.297.396.434	18.048.613.047
Các khoản phải nộp khác	22.394.697.398	21.327.342.157
	527.351.556.494	526.618.712.507

20. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí lãi vay	13.033.267.969	46.195.329.677
Chi phí bán hàng	16.965.267.592	72.390.650.194
Chi phí khác	10.980.230.934	30.320.239.444
	40.978.766.495	148.906.219.315

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

21. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2.559.089.070	4.790.823.327
Bảo hiểm xã hội	1.437.228.224	1.372.179.916
Tiền đặt cọc chai kết	79.349.940.597	78.216.653.368
Phải trả khi thực hiện cổ phần hóa	1.240.400.000	1.036.000.000
Cổ tức phải trả cổ đông thiểu số	3.052.445.168	2.454.387.469
Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.791.097.057	3.163.705.383
	112.430.200.116	91.033.749.463

22. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	66.666.840.006	51.570.626.535
Trích lập từ lợi nhuận trong năm	52.153.489.243	35.124.976.351
Tăng do mua công ty con (xem Thuyết minh 4)	1.015.863.727	-
Sử dụng trong năm	(54.520.233.785)	(20.028.762.880)
Số dư cuối năm	65.315.959.191	66.666.840.006

23. Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác bao gồm tiền ký cược cho chai kết nhận từ các đại lý.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

24. Vay dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn	930.996.633.783	854.217.255.013
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 17)	(204.320.569.017)	(118.084.000.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	726.676.064.766	736.133.255.013

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Khoản vay ngân hàng 1	VND	6,9%	2016	124.336.179.084	179.552.938.818
Khoản vay ngân hàng 2	VND	9,6%	2017	27.061.802.718	35.402.872.518
Khoản vay ngân hàng 3	USD	(i)	2021	45.000.000.000	-
Khoản vay ngân hàng 4	VND	11,2% - 14%	2020	253.096.877.397	134.115.621.542
Khoản vay ngân hàng 5	EUR	(ii)	2014	115.841.225.017	122.635.520.000
Khoản vay ngân hàng 6	VND	10,5%	2018	62.466.126.115	23.088.825.399
Khoản vay ngân hàng 7	VND	10,57%	2020	127.968.879.377	140.468.879.377
Khoản vay ngân hàng 8	EUR	5%	2020	163.970.370.435	155.043.744.271
Khoản vay ngân hàng 9	VND	13,5%	2016	4.308.796.800	6.223.817.600
Khoản vay ngân hàng 10	VND	13,5%	2016	746.926.025	1.078.893.153
Khoản vay ngân hàng 11	EUR	5%	2014	6.199.440.815	26.605.483.093
Khoản vay ngân hàng 12	VND	14%	2014	10.000	30.000.659.242
				930.996.633.783	854.217.255.013

- (i) Khoản vay được đảm bảo bằng Chứng thư bảo lãnh số 323/HABECO-TCKT ngày 7 tháng 6 năm 2013. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất huy động 12 tháng của ngân hàng đối với tổ chức kinh tế cộng 2%/năm.
- (ii) Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là dự án Nhà máy bia Mê Linh tại Vĩnh Phúc. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi được xác định bằng LIBOR cộng 2,15%/năm.

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng chứng thư bảo lãnh và tài sản đảm bảo có giá trị ghi sổ là 1.317.066 triệu VND (31/12/2012: 1.686.878 triệu VND) (xem Thuyết minh 7, Thuyết minh 9 và Thuyết minh 11).

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	2.318.000.000.000	16.218.000	516.945.244.853	146.083.918.586	439.600.000	749.803.072.099	3.731.288.053.538
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	829.294.573.046	829.294.573.046
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	273.104.449.547	66.397.061.951	-	(339.501.511.498)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(35.124.976.351)	(35.124.976.351)
Cổ tức (Thuyết minh 28)	-	-	-	-	-	(347.700.000.000)	(347.700.000.000)
Biến động khác	-	-	-	-	-	(2.300.000.000)	(2.300.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	2.318.000.000.000	16.218.000	790.049.694.400	212.480.980.537	439.600.000	854.471.157.296	4.175.457.650.233
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	754.606.221.430	754.606.221.430
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	380.353.963.270	75.751.858.728	3.825.052.090	(459.930.874.088)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(44.233.106.152)	(44.233.106.152)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(2.454.251.800)	-	(2.454.251.800)
Cổ tức (Thuyết minh 28)	-	-	-	-	-	(347.700.000.000)	(347.700.000.000)
Biến động khác	-	-	-	-	-	629.799.371	629.799.371
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	2.318.000.000.000	16.218.000	1.170.403.657.670	288.232.839.265	1.810.400.290	757.843.197.857	4.536.306.313.082

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2013 và 31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	231.800.000	2.318.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	2.318.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	2.318.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Các cổ đông của Tổng Công ty bao gồm:

	31/12/2013 và 31/12/2012	
	Số cổ phiếu	
	nắm giữ	%
Cổ đông Nhà nước	189.592.400	81,79%
Carlsberg Breweries A/S	39.597.700	17,08%
Công ty TNHH Carlsberg Đông Dương	347.700	0,15%
Các cổ đông khác	2.262.200	0,98%
	231.800.000	100%

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

27. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

(b) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty và các công ty con.

(c) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ an sinh xã hội là một quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

28. Cổ tức

Ngày 20 tháng 5 năm 2013, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua quyết định phân phối khoản cổ tức cho năm 2012 trị giá 347.700 triệu VND, tương đương tỷ lệ 15% mệnh giá mỗi cổ phiếu.

Ngày 27 tháng 4 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua quyết định phân phối khoản cổ tức cho năm 2011 trị giá 347.700 triệu VND, tương đương tỷ lệ 15% mệnh giá mỗi cổ phiếu.

29. Lợi ích cổ đông thiểu số

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	854.584.711.215	840.471.145.111
Tăng do cổ đông thiểu số góp vốn vào công ty con	16.043.651.987	-
Giảm do Tổng Công ty góp vốn vào công ty con	(9.000.000.000)	(110.526.391.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	76.199.270.546	152.138.262.181
Phân bổ cho quỹ khen thưởng và phúc lợi	(7.920.383.091)	(3.316.612.644)
Chia cổ tức trong năm	(52.795.551.800)	(24.181.692.433)
Biến động khác	154.813.153	-
Số dư cuối năm	877.266.512.010	854.584.711.215

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

30. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	8.960.075.455.232	8.859.146.037.529
▪ Cung cấp dịch vụ	73.612.941.305	60.159.166.606
	<hr/>	<hr/>
	9.033.688.396.537	8.919.305.204.135
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(10.789.324.503)	(56.527.014.581)
▪ Hàng bán bị trả lại	(1.180.581.920)	(8.214.836.686)
▪ Thuế tiêu thụ đặc biệt	(2.575.149.411.436)	(2.388.440.546.206)
	<hr/>	<hr/>
	(2.587.119.317.859)	(2.453.182.397.473)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	6.446.569.078.678	6.466.122.806.662
	<hr/>	<hr/>

31. Giá vốn hàng bán

	2013 VND	2012 VND
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	3.889.014.044.211	4.015.286.319.319
Dịch vụ đã cung cấp	5.364.055.941	6.643.258.610
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	659.106.750	-
	<hr/>	<hr/>
	3.895.037.206.902	4.021.929.577.929
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi và thu nhập lãi vay	78.198.745.545	50.945.588.354
Cổ tức được chia	971.019.000	210.326.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	377.596.004	180.775.318
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.708.441.441
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.161.246.778	3.975.683.327
	86.708.607.327	57.020.814.440

33. Chi phí tài chính

	2013 VND	2012 VND
Chi phí lãi vay	83.489.806.557	93.864.019.148
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	(1.648.198.415)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.773.323.077	27.164.391.993
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16.381.218.792	-
Chi phí tài chính khác	59.877.265	-
	100.056.027.276	121.028.411.141

34. Thu nhập khác

	2013 VND	2012 VND
Tiền đền bù nhận được từ việc di dời nhà xưởng	-	168.137.604.718
Lãi do thanh lý tài sản cố định hữu hình	24.243.987.989	-
Các khoản khác	35.360.362.009	22.162.642.022
	59.604.349.998	190.300.246.740

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

35. Chi phí khác

	2013 VND	2012 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	19.652.680.698	-
Chi phí khác	14.589.815.312	18.543.649.277
	34.242.496.010	18.543.649.277

36. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2013 VND	2012 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	377.367.628.509	347.789.622.541
Bổ sung thuế trích thiếu trong những năm trước	53.815.326.840	19.635.908.482
	431.182.955.349	367.425.531.023
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(6.323.168.285)	(10.763.011.679)
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	867.260.098	-
	(5.455.908.187)	(10.763.011.679)
Chi phí thuế thu nhập	425.727.047.162	356.662.519.344

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	1.256.532.539.138	1.338.095.354.571
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	314.133.134.785	334.523.838.643
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	867.260.098	-
Ưu đãi thuế (*)	(15.187.872.594)	(21.323.791.483)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng tại các công ty con	(381.984.480)	(526.218.799)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	384.928.086	1.441.362.102
Giá trị tính thuế của chi phí không được khấu trừ thuế	50.536.299.386	23.009.179.643
Thu nhập không bị tính thuế	(242.754.750)	(131.250.000)
Sử dụng lỗ tính thuế	(7.500.973.967)	(1.400.769.454)
Ảnh hưởng của thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận từ các khoản lỗ tính thuế	5.963.515.604	7.748.078.372
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	(12.025.333.504)
Bổ sung thuế trích thiếu trong những năm trước	53.815.326.840	19.635.908.482
Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	23.340.168.154	5.711.515.342
	425.727.047.162	356.662.519.344

- (*) Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nghệ An được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo do được thành lập mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong năm năm tiếp theo theo ưu đãi trên Giấy Chứng nhận Đầu tư được cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 8 năm 2007.

(c) Thuế suất áp dụng

Trong năm 2013, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 25% (năm 2012: trong khoảng từ 20% đến 25%) trên lợi nhuận tính thuế theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh tương ứng của từng công ty và các quy định về thuế hiện hành.

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã phê duyệt Luật Sửa đổi Bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu, dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, được tính như sau:

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông phổ thông	754.606.221.430	829.294.573.046
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	231.800.000	231.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.255	3.578

38. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tổng Công ty và các công ty con phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tổng Công ty và các công ty con có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tổng Công ty và các công ty con sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Tổng Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tổng Công ty và các công ty con như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tổng Công ty và các công ty con gặp phải.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tổng Công ty và các công ty con. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty và các công ty con.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty và các công ty con được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty và các công ty con gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tổng Công ty và các công ty con. Tổng Công ty và các công ty con, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tổng Công ty và các công ty con nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản cho vay.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	1.695.831.484.491	1.337.785.168.888
Đầu tư tài chính ngắn hạn – tiền gửi có kỳ hạn	(i)	157.616.486.368	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	127.889.639.074	390.360.553.385
Đầu tư tài chính ngắn hạn – cho vay	(iii)	27.000.000.000	41.646.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn – cho vay	(iii)	27.000.000.000	27.000.000.000
		2.035.337.609.933	1.796.791.722.273

(ii) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Tổng Công ty và các công ty con chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi và cho vay này và không cho rằng các tổ chức tài chính và các công ty này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng Công ty và các công ty con.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tổng Công ty và các công ty con chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và các công ty con đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tổng Công ty và các công ty con đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Tổng Công ty và các công ty con nhận tiền ký cược từ các khách hàng (Thuyết minh 23) làm tài sản đảm bảo.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tổng Công ty và các công ty con. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chưa quá hạn	119.786.545.533	383.358.396.639
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	36.000.000	709.262.433
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	1.261.599.613	5.237.124
Quá hạn trên 180 ngày	6.805.493.928	6.287.657.189
	127.889.639.074	390.360.553.385

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi ngắn hạn như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	1.777.968.704	2.030.123.576
Tăng dự phòng trong năm	1.106.580.911	-
Hoàn nhập	-	(252.154.872)
	2.884.549.615	1.777.968.704

(iv) Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn – cho vay

Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn – cho vay là các khoản cho vay được cấp cho các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản cho vay này và không cho rằng các công ty này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng Công ty và các công ty con không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tổng Công ty và các công ty con là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tổng Công ty và các công ty con luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng Công ty và các công ty con.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
31/12/2013						
Phải trả người bán và						
phải trả khác	486.955.304.079	486.955.304.079	486.955.304.079	-	-	-
Vay ngắn hạn	244.332.895.412	244.332.895.412	244.332.895.412	-	-	-
Vay dài hạn	930.996.633.783	1.178.937.238.160	283.453.527.395	211.740.976.471	392.157.734.294	291.585.000.000
	1.662.284.833.274	1.910.225.437.651	1.014.741.726.886	211.740.976.471	392.157.734.294	291.585.000.000
31/12/2012						
Phải trả người bán và						
phải trả khác	648.970.996.175	648.970.996.175	648.970.996.175	-	-	-
Vay ngắn hạn	310.122.854.378	344.236.368.360	344.236.368.360	-	-	-
Vay dài hạn	854.217.255.013	1.223.735.062.418	183.920.558.483	228.459.206.766	322.996.173.075	488.359.124.094
	1.813.311.105.566	2.216.942.426.953	1.177.127.923.018	228.459.206.766	322.996.173.075	488.359.124.094

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty và các công ty con có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tổng Công ty và các công ty con được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty và các công ty con có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	476.490	22.143	450.704	29.249
Phải thu khách hàng và phải thu khác	91.773	-	91.773	-
Phải trả người bán	(402.999)	(275.049)	(7.947)	(2.433.140)
Vay ngắn hạn	-	(3.992.322)	-	(509.868)
Vay dài hạn	-	(5.884.082)	-	(10.974.708)
	165.264	(10.129.310)	534.530	(13.888.467)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
1 USD	21.123	20.827
1 EUR	28.952	27.726

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tổng Công ty và các công ty con sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần hợp nhất VND
31/12/2013	
USD (mạnh thêm 5%)	130.907.680
EUR (mạnh thêm 3%)	(6.598.435.120)
	<hr/>
31/12/2012	
USD (mạnh thêm 5%)	417.474.612
EUR (mạnh thêm 3%)	(8.664.111.811)
	<hr/>

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, 515 tỷ VND phải trả dài hạn của Tổng Công ty và các công ty con chịu lãi suất thả nổi (31/12/2012: 367 tỷ VND). Tổng Công ty và các công ty con không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng Công ty và các công ty con như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
▪ Tài sản tài chính	1.907.447.970.859	1.406.431.168.888
▪ Nợ phải trả tài chính	(660.118.359.378)	(797.585.591.187)
	<hr/>	<hr/>
	1.247.329.611.481	608.845.577.701
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
▪ Nợ phải trả tài chính	(515.211.169.817)	(366.754.518.204)
	<hr/>	<hr/>

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 3.864 VND lợi nhuận thuần hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con (2012: 2.751 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.703.053.804.589	1.703.053.804.589	1.344.313.803.422	1.344.313.803.422
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	127.889.639.074	(*)	390.360.553.385	(*)
- Các khoản tiền gửi và cho vay ngắn hạn	184.616.486.368	(*)	41.646.000.000	(*)
- Các khoản cho vay dài hạn	27.000.000.000	(*)	27.000.000.000	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư dài hạn dạng vốn chủ sở hữu vào đơn vị khác	57.100.000.000	(*)	57.100.000.000	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(486.955.304.079)	(*)	(648.970.996.175)	(*)
- Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn	(1.175.329.529.195)	(*)	(1.164.340.109.391)	(*)
	437.375.096.757	(*)	47.109.251.241	(*)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

(*) Giá trị hợp lý của vay dài hạn phi phải sinh chưa được xác định do (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản nợ phải trả tài chính dài hạn này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của vay dài hạn phi phải sinh có thể khác so với giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính này mặc dù nhìn chung nó không gây ảnh hưởng trọng yếu đến các báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2013 VND	2012 VND
Tăng tài sản cố định do mua công ty con (Thuyết minh 4)	12.704.920.874	-

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2013 VND	2012 VND
Cổ đông Nhà nước		
Trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội cổ đông	284.383.830.000	284.383.830.000
Tạm ứng cổ tức	100.000.000.000	-
Công ty liên kết và liên doanh		
<i>Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Kim Bài</i>		
Mua thành phẩm	67.173.978.000	10.057.458.600
Bán nguyên vật liệu	12.426.711.628	6.309.268.500
Lãi cho vay	3.019.513.889	1.678.333.334
Cho vay ngắn hạn	27.000.000.000	-
Thu lại khoản cho vay ngắn hạn	13.000.000.000	-
Phí bản quyền	1.105.270.028	930.080.000
<i>Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hồng Hà</i>		
Mua thành phẩm	176.904.628.230	110.230.233.300
Bán nguyên vật liệu	30.292.955.750	19.770.194.020
Lãi cho vay	2.109.750.000	3.153.000.000
Phí bản quyền	2.593.052.227	2.130.183.922
Hỗ trợ bán hàng	573.263.057	457.545.980
<i>Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Vũng Tàu</i>		
Bán nguyên vật liệu	13.335.207.850	136.800.000
Mua thành phẩm	102.698.517.964	-
Hỗ trợ chi phí vận chuyển	-	1.346.354.502
Hỗ trợ chi phí bán hàng	-	14.839.488.704
Góp vốn	-	85.500.000.000
<i>Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại</i>		
Nhận cổ tức	8.873.760.000	3.803.040.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Giá trị giao dịch	
	2013	2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải Habeco		
Mua nguyên vật liệu	-	761.919.003
Cung cấp dịch vụ	612.000.000	432.000.000
Nhận cổ tức	1.820.000.000	1.750.000.000
Sử dụng dịch vụ	115.344.221.497	103.564.199.422
Công ty TNHH Thủy tinh Sanmiguel Yamamura Hải Phòng		
Mua nguyên vật liệu	76.599.766.685	68.548.136.910
Bán phế liệu	1.936.946.400	547.171.600
Nhận cổ tức	8.978.310.000	11.971.080.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	3.600.000.000	3.240.000.000
Thành viên Hội đồng quản trị		
Tiền lương và thưởng	1.344.000.000	1.284.000.000

41. Cam kết vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Tổng Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	742.000.000.000	755.104.983.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	114.975.491.763	135.265.175.719
	856.975.491.763	890.370.158.719

42. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Ngày 27 tháng 1 năm 2014, Tổng Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng 24.300.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Vũng Tàu mà Tổng Công ty nắm giữ cho một bên thứ ba. Số tiền thu về từ việc chuyển nhượng cổ phần này là 345.060.000.000 VND.

Ngày 12 tháng 2 năm 2014, Tổng Công ty đã thực hiện góp thêm 31.485.000.000 VND vào vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Hồng Hà, nâng tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Hồng Hà lên mức 53,89% (31/12/2013: 32,69%).

Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

43. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	3.560.565.668.648	3.461.046.450.473
Chi phí nhân công	434.384.294.141	441.586.703.756
Chi phí khấu hao	534.565.406.995	580.907.484.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	222.169.421.251	379.385.621.127
Chi phí khác	447.803.626.956	291.493.156.574

44. Số liệu so sánh

Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày kỳ hiện thời. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2012 (phân loại lại) VND	31/12/2012 (theo báo cáo trước đây) VND
Chi phí trả trước dài hạn	224.279.805.430	249.345.250.112
Lợi thế thương mại	25.065.444.682	-

Ngày 25 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Nguyễn Như Khuê
Kế toán

Người kiểm tra:



Nguyễn Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Linh
Tổng Giám đốc